

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2024/DS-PT
Ngày: 24/4/2024
V/v “Yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Sơn

Các Thẩm phán: Ông Ngôn Ngọc Viên

Ông Hoàng Văn Thụ

Thư ký phiên tòa: Ông Nông Hữu Duy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Nha - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2024/TLPT-DS ngày 09/01/2024 về việc “Yêu cầu chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 77a/2023/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng bị kháng cáo,

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 50/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Khảm Thị D

Địa chỉ: Tổ A, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

- *Bị đơn:* Khảm Văn S

Địa chỉ: Tổ A (nay là Tổ A), phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Khảm Thị D:*

Luật sư Hoàng Thị L

Địa chỉ: Văn phòng L5, Đoàn luật sư tỉnh Cao Bằng, tổ A, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Khảm Văn S:*

Luật sư Nguyễn Đình

Địa chỉ: Văn phòng L6, Đoàn luật sư tỉnh Cao Bằng, tổ A, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt (ông Khảm Văn S không yêu cầu người bảo vệ

quyền và lợi ích hợp pháp, đề nghị xử vắng mặt ông Nguyễn Đ).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Khảm Thị D1

Địa chỉ: Tổ A, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

2. Khảm Văn S1

Địa chỉ: Tổ A (nay là tổ A), phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

3. Khảm Thị L1 (đã có quyết định tuyên bố mất tích của Tòa án)

Địa chỉ: Tổ A, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

4. Khảm Thị L2

Địa chỉ: Tổ H, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

5. Khảm Thị T

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt có lý do.

- Người làm chứng:

1. Trương Văn M

Địa chỉ: Tổ A, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

2. Lương Thị L3

Địa chỉ: Tổ A, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- Người kháng cáo: Bị đơn Khảm Văn S

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/8/2019 và quá trình giải quyết vụ án bà Khảm Thị D trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về mối quan hệ: Bà D có bố là ông Khảm Văn T1 – sinh năm 1926 (chết ngày 06/02/2008), mẹ là Triệu Thị S2 – sinh năm 1930 (chết ngày 19/4/2008). Bố mẹ của bà sinh được 07 người con gồm: Khảm Thị D – sinh năm 1956, Khảm Thị D1 – sinh năm 1957, Khảm Văn S1 – sinh năm 1964, Khảm Văn S – sinh năm 1965, Khảm Thị L1 – sinh năm 1968, Khảm Thị L2 – sinh năm 1971, Khảm Thị T – sinh năm 1974.

Về tài sản yêu cầu chia thừa kế: Bố mẹ bà chết đi không để lại di chúc, tài sản bố mẹ để lại là thửa đất số 42, tờ bản đồ số 13 – d – III, với diện tích là 1.630,0 m². Mục đích sử dụng đất: 800 m² đất ở đô thị, 820,0 m² đất trồng cây lâu năm. Tài sản gắn liền trên đất gồm 01 ngôi nhà tạm với diện tích khoảng 70m² có địa chỉ thửa đất: Tổ A, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Thửa đất này đã được Ủy ban nhân dân thị xã C, tỉnh Cao Bằng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH807263 ngày 31/12/2006 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H01769. Mang tên hộ ông Khảm Văn T1 - sinh năm 1926, bà Triệu Thị S2 – sinh năm 1930.

Nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng xem xét chia di sản thừa kế là thửa đất số thửa đất số 42, tờ bản đồ số 13 – d – III, diện tích 1.630,0 m². Mục đích sử dụng đất: 800 m² đất ở đô thị, 820,0 m² đất trồng cây lâu năm cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật.

Tài sản gắn liền trên đất gồm 01 ngôi nhà tạm với diện tích khoảng 70m². xây dựng từ năm 1954, hiện không còn giá trị sử dụng nên ngôi nhà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tổng giá trị tài sản thừa kế theo đơn khởi kiện bà ước tính về phần đất giá trị để chia thừa kế có giá trị khoảng 150.000.000 đồng (Một trăm năm triệu đồng chẵn). Tại phiên tòa bà nhất trí với mức giá do Hội đồng định giá tài sản đã đưa ra và yêu cầu được chia bằng hiện vật để có đất làm nhà ở.

Bản tự khai ngày 11/10/2019 và quá trình giải quyết vụ án ông Khảm Văn S trình bày:

Bố mẹ ông là ông Khảm Văn T1 (chết ngày 30/12/2007) âm lịch và bà Triệu Thị S2 (chết ngày 14/3/2008 âm lịch), bố mẹ sinh ra được 7 người con gồm: Khảm Thị D – sinh năm 1956, Khảm Thị D1 – sinh năm 1957, Khảm Văn S1 – sinh năm 1964, Khảm Văn S – sinh năm 1965, Khảm Thị L1 – sinh năm 1968, Khảm Thị L2 – sinh năm 1971, Khảm Thị T – sinh năm 1974.

Về nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Khảm Thị D, ông S không nhất trí chia tài sản theo đơn yêu cầu của bà D vì ông S cho rằng:

Từ năm 1993 ông S1 đòi bố mẹ chia đất đai và tài sản của bố, mẹ. Đến ngày 28/12/1993 bố mẹ ông đã đi mời tổ trưởng và người đại diện đến nhà viết giấy phân chia tài sản của bố mẹ cho hai anh em trai. Quá trình giữa hai anh tự thỏa thuận và được sự nhất trí của bố, mẹ. Cụ thể phần đất và ngôi nhà hiện nay đang tranh chấp được định giá là 2.000.000đ (hai triệu đồng), nếu ai ở thì thanh toán cho người ra đi số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng), ông S đã trả tiền cho ông S1 xong, nên ông S được hưởng phần đất từ bờ ruộng lên đến chuồng trâu theo giấy thỏa thuận, còn phần đất hương hỏa của bố mẹ hai anh em ông S1 và ông S đã làm tròn nghĩa vụ cho bố mẹ thì anh em đã tự chia nhau xong, còn phần đất hương hỏa của chị D ông S1 đã lấy tiền đền bù hết. Như vậy thửa đất bà D khởi kiện là không đúng thực tế, vì phần đất thuộc về ông S quản lý từ ngày bố mẹ viết giấy phân chia tài sản cho con, nên ông không nhất trí với yêu cầu của bà D về việc chia tài sản thừa kế. Để đưa ra các căn cứ không nhất trí chia tài sản của mình ông S còn đưa ra thêm căn cứ, việc làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất hiện nay đang có tranh chấp là do bà Lương Thị L3 (là vợ ông Khảm Văn S1) tự làm vì khi đó bố mẹ đều đã già yếu không thể đi đâu được, việc có giấy ủy quyền của bố mẹ cho bà L3 không có ai làm chứng trong khi các con đều sinh sống ở gần đó. Mặt khác xác

nhận của tổ trưởng dân phố vào giấy ủy quyền là trước ngày bố ông viết giấy ủy quyền một ngày. Khi bố mẹ ông còn sống phần đất của bố mẹ ở bên trại mỏ muối bố mẹ đã viết giấy tờ phân chia cho chị em gái mỗi người 150m² đất làm nhà mà bà D không sang làm nhà, mà cứ tranh chấp với ông S phần đất đã được phân chia. Ông S không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Khảm Thị D, đơn từ này là do bà Lương Thị L3 viết và xúi dục, ông S yêu cầu làm rõ sự thật và xét theo giấy tờ của bố mẹ tôi để lại.

Lời trình bày của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Khảm Thị D1 trình bày, về mối quan hệ như bà D và ông S trình bày là đúng. Về yêu cầu khởi kiện của bà D, bà D1 hoàn toàn nhất trí vì đây là tài sản do bố mẹ để lại không có di chúc. Nay bà D1 yêu cầu được chia phần đất do bố mẹ chết để lại không có di chúc, bà yêu cầu được nhận phần thừa kế bằng hiện vật.

- Ông Khảm Văn S1, về quan hệ như bà D và ông S trình bày là đúng, ông S1 yêu cầu được chia tài sản thừa kế, phần ông S1 được nhận ông S1 sẽ tặng cho tất cả những người thừa kế còn lại.

- Bà Khảm Thị L2 trình bày, tài sản bố mẹ đã chia cho 2 anh em trai khi bố mẹ còn sống, nay bà D yêu cầu chia di sản thừa kế bà không nhất trí vì phần đất này đã được chia cho ông S. Nếu phải đem ra chia thì bà L2 yêu cầu được chia lại toàn bộ tài sản của bố mẹ để lại chứ không phải mỗi thửa đất như bà D yêu cầu. Đối với phần đất này, nếu đem ra chia thừa kế bà L2 yêu cầu được chia bằng hiện vật nhưng phần bà L2 được nhận sẽ tặng cho ông S toàn bộ phần đất.

- Bà T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được lấy lời khai và có ý kiến: Về yêu cầu khởi kiện của bà D là không đúng và bà không nhất trí chia thừa kế tài sản theo yêu cầu của bà D. Vì khi bố mẹ bà còn sống phần đất đã được chia cho ông S theo giấy phân chia tài sản 1993. Nếu phần đất phải đem ra chia bà yêu cầu được nhận bằng hiện vật về kỹ phần của mình theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành xác minh với ông Trương Quốc M1 vào hồi 16 giờ 00 phút ngày 21/7/2021. Ông Minh xác n ông là người trực tiếp viết giấy thỏa thuận phân chia tài sản gia đình đề ngày 28/12/1993. Nội dung: nhà và đất đang tranh chấp định giá 2.000.000 đồng, ai ở nhà cũ thì thanh toán cho người ở 1.000.000đ, người ở nhà cũ sẽ có quyền sở hữu nhà và toàn bộ phần đất. Khi đó, ông S đã thanh toán cho ông S1 1.000.000đ và phần đất và nhà đã thuộc sở hữu của ông S. Phần đất của ông S1 được chia ở khu khác chứ không phải phần đất đang có tranh chấp. Khi còn sống, ông T1, bà S2 vẫn tự sinh sống tại ngôi nhà của mình mà hiện nay đang có tranh chấp, ông S1 và ông S không sống chung với bố mẹ. Khi ông T1 ốm thì ông S1 mới đến cổng bố sang nhà ông S1, ông T1 mất thì ông S1 là người mai táng. Còn bà S2 khi ốm nặng thì anh S đến đón bà sang nhà sống chung, khi bà mất

thì anh S là người lo hậu sự cho bà S2. Bà D sinh ra và lớn lên tại ngôi nhà đang tranh chấp. Tuy nhiên bà D có thời gian đi làm công nhân nên đã ra tập thể xí nghiệp ở cho đến khi bà nghỉ hưu thì mới quay về ở chung với bố mẹ. Thời điểm bà D quay về năm nào ông M1 không rõ. Bà D không có công phụng dưỡng bố mẹ.

Ông Minh xác n có sự việc gia đình họp và phân chia đất đai và giấy họp gia đình phân chia lại đất ngày 22/02/2009 do chính tay ông viết. Phần đất đang có tranh chấp chia ba nền: Sáng, S1 bằng nhau, chị D ít hơn, nhưng không thể hiện rõ ai sở hữu phần nào và diện tích là bao nhiêu. Nên nay bà D yêu cầu khởi kiện là có căn cứ. Về việc ông T1, bà S2 có ủy quyền cho ai đi làm giấy tờ nhà đất hay không thì ông M1 không được biết.

Quá trình Tòa án thụ lý đã tiến hành thu thập chứng cứ xác định được giấy ủy quyền ngày 26/11/2006 của ông T1, bà S2 cho bà L3 đại diện cho ông bà đi làm giấy tờ đối với đất đai ruộng vườn và nền nhà ở hiện nay ông bà đang ở là hoàn toàn tự nguyện, đúng nguyện vọng của ông bà, giấy ủy quyền có xác nhận của tổ trưởng dân phố và chính quyền địa phương. Người viết đơn kê khai đối với thửa đất số 42 đang tranh chấp là ông Khảm Văn S1, là chồng của bà L3, nhưng việc kê khai đáp ứng nguyện vọng của ông T1, bà S2 đó là đất được cấp giấy chứng nhận cho ông T1 và bà S2.

- Phần trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích cho nguyên đơn: Bà D yêu cầu chia di sản thừa kế là thửa đất số thửa đất số 42, tờ bản đồ số 13 – d – III, diện tích 1.630,0 m². Mục đích sử dụng đất: 800 m² đất ở đô thị, 820,0 m² đất trồng cây lâu năm cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật. Đối với tài sản trên đất không có yêu cầu xem xét. Phần đất yêu cầu được chia là phần tiếp giáp với ông Trương Văn T2 để bà D có mặt bằng làm nhà. Đối với phần của bà Khảm Thị L1 yêu cầu được giao cho bà D quản lý vì bà D đang sinh sống trên phần đất này sẽ tiện cho việc quản lý.

- Phần trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích cho bị đơn:

Về nguồn gốc đất là do ông Khảm Văn T1 và bà Triệu Thị S2 để lại không có di chúc. Năm 1993 có việc phân chia đất, trong giấy phân chia đất không có chữ ký của ông T1 và bà S2 mặc dù có chữ ký của người làm chứng nhưng đây không phải là di chúc, do đó không có giá trị về mặt pháp lý. Năm 2009 các thành viên trong gia đình đã có giấy họp gia đình phân chia lại đất ngày 22/02/2009. Theo đó phần đất này được chia làm 3 phần, S1 và Sáng 2 phần bằng nhau, D phần ít hơn. Như vậy về giấy thỏa thuận này là có giá trị pháp lý nên đề nghị xem xét giải quyết theo giấy thỏa thuận này để chia di sản cho 3 người chứ không phải chia cho 7 người cùng hàng thừa kế theo đơn yêu cầu khởi kiện.

- Ý kiến ông Khảm Văn S, không nhất trí với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp. Ông S vẫn đưa ra quan điểm tài sản đã được bố mẹ chia cho ông S và không nhất trí di sản thừa kế.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 77a/2023/DS-ST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng đã căn cứ Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 157, 235, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 609, 610, 611, 612, 613, 649, 650, 651, 658 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Khảm Thị D về chia thừa kế là quyền sử dụng đất.

Nay xử:

- Ông Khảm Văn S được thừa kế phần đất tại vị trí (số A) có diện tích là: 317.8m², có tứ cận tiếp giáp: Phía đông giáp đất ông Trương Văn T2, phía tây giáp phần đất bà Khảm Thị D, phía Bắc giáp đường bê tông, phía Nam giáp đường dân sinh (Trên đất có ngôi nhà gỗ lợp ngói thuộc quyền sở hữu của ông S, nếu ngôi nhà lấn sang phần đất được chia cho người khác thì buộc ông S phải tự nguyện tháo dỡ phần lấn sang để họ thực hiện quyền quản lý và sử dụng đất theo quy định pháp luật)

- Bà Khảm Thị D được thừa kế phần đất tại vị trí (số B) có diện tích là: 317.8m². Phía đông giáp phần đất ông Khảm Văn S, phía Tây giáp phần đất bà Khảm Thị D1, phía Bắc giáp đường bê tông, phía Nam giáp đường dân sinh.

- Bà Khảm Thị D1 được thừa kế phần đất tại vị trí số (3) có diện tích là: 317.8m². Phía đông giáp phần đất bà Khảm Thị D, phía tây giáp đường dân sinh, phía Bắc giáp đường bê tông và bà Khảm Thị L4, phía Nam giáp đường dân sinh.

- Bà Khảm Thị L1 được thừa kế phần đất tại vị trí (số D) có diện tích là: 136m². Phía đông giáp phần đất bà Khảm Thị T, phía tây giáp ruộng nước, phía Bắc giáp đất ông Khảm Văn S, phía Nam giáp đường bê tông. Do bà Khảm Thị L1 đã bị tòa án tuyên bố mất tích nên phần đất này được giao cho bà Khảm Thị D có trách nhiệm quản lý.

- Bà Khảm Thị T được thừa kế phần đất tại vị trí số (5) có diện tích là: 124.4m². Phía đông giáp đất ông Trương Văn T2, phía tây giáp phần đất bà Khảm Thị L1, phía Bắc giáp phần đất ông S, phía Nam giáp đường bê tông.

(Về vị trí, diện tích từng phần đất và chiều dài các cách tiếp giáp có sơ đồ kèm theo)

Về thanh toán và nhận khoản chênh lệch tài sản:

- Bà Khảm Thị D và Khảm Thị D1 mỗi người phải có trách nhiệm thanh toán số tiền chênh lệch về tài sản là: 12.131.050 đồng (Mười hai triệu một trăm ba mươi mốt nghìn không trăm năm mươi đồng).

- Ông Khảm Văn S được thanh toán bằng giá trị phần chênh lệch tài sản là: 7.977.600 đồng (Bảy triệu chín trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm đồng).

- Bà Khảm Thị L1 được thanh toán bằng giá trị phần chênh lệch tài sản là: 5.637.600 đồng (Năm triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn sáu trăm đồng).

- Bà Khảm Thị T được thanh toán bằng giá trị phần chênh lệch tài sản là: 10.646.900 đồng (Mười triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn chín trăm đồng).

Do bà Khảm Thị D được giao quản lý phần đất của bà Khảm Thị L1 được hưởng nên bà D cũng có trách nhiệm nhận và quản lý số tiền chênh lệch của bà L1 5.637.600 đồng (Năm triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn sáu trăm đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 29/9/2023, bị đơn Khảm Văn S có đơn kháng cáo không nhất trí đối với bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn Khảm Văn S giữ nguyên đơn kháng cáo, không nhất trí với bản án sơ thẩm và cho rằng phần đất tranh chấp đã được gia đình chia cho ông S năm 1993, do đó đề nghị HĐXX cho ông S được quyền quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp.

Nguyên đơn Khảm Thị D và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp không nhất trí với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, nhất trí với bản án sơ thẩm và đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà D1, ông S1, bà L2 đều trình bày: Những lời khai về yêu cầu của mình đã được trình bày rõ tại phiên tòa sơ thẩm, tại phiên tòa phúc thẩm không có ý kiến gì trình bày thêm.

Người làm chứng bà Lương Thị L3 xác nhận do ông K, bà S2 già yếu nên đã trực tiếp ủy quyền cho bà làm thủ tục kê khai xin đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hoàn toàn tự nguyện vì là đất của ông bà, tôi không có lợi ích gì trong đó.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết: Kháng cáo của Ông Khảm Văn S không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên

bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện viện kiểm sát có một số Kiến nghị với tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng và Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng, cụ thể như sau:

Tại bút lục số: 238 ngày 6/10/2023 Ông Sáng nộp tạm ứng án phí phúc thẩm. tuy nhiên tại bút lục số: 244 ngày 29/11/2023 tòa án nhân dân thành phố mới ra thông báo về việc kháng cáo là vi phạm điều 277 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại biên bản giao nhận hồ sơ ngày 8/12/2023 tòa án mới chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp phúc thẩm là vi phạm Khoản 2 Điều 283 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Kiến nghị với Tòa án nhân dân tỉnh: Việc thụ lý vụ án vi phạm Khoản 1 Điều 285 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện và tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý, xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, thu thập và giao nộp chứng cứ, thẩm định, và hòa giải, trình tự và thủ tục phiên tòa sơ thẩm...Đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo và các căn cứ kháng cáo của Bị đơn Khảm Văn S.

Nội dung kháng cáo: Ông S không nhất trí với bản án sơ thẩm và cho rằng Tòa án sơ thẩm căn cứ vào giấy thỏa thuận phân chia tài sản năm 2009 của gia đình là không đúng, bởi phần đất tranh chấp đã được gia đình chia cho các con trai năm 1993. Do đó đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ vào biên bản họp gia đình năm 1993 tuyên cho ông S được quyền quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp.

Quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án, xem xét các lời khai của Đương sự, HĐXX thấy rằng:

Phần đất tranh chấp là thửa đất số 42 tờ bản đồ số 13-d-III diện tích 1620m² của ông Khảm Văn T1 và bà Triệu Thị S2 (đã chết) để lại không có di chúc, đất đã được cấp bìa đỏ số: AH-807263 của UBND thị xã C ngày 31/12/2006 mang tên hộ ông Khảm Văn T1 – Triệu Thị S2. Thực tế đo đạc thẩm định tại chỗ đất chỉ có diện tích: 1.286,2m² và trừ đi 72,4 m² đất làm đường bê tông, còn lại là: 1.213,8m² đất chia thừa kế cho các đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án ông S cho rằng đất đã được bố mẹ chia khi bố mẹ còn sống, phần đất này thuộc quyền sử hữu của ông S nên không nhất trí chia, đề đưa ra căn cứ ông S cung cấp bản sao giấy thỏa thuận chia tài sản đề ngày 28 tháng

12 năm 1993, thành phần tham gia có bố mẹ và 2 người con trai Sáng, S1. Tuy nhiên, phần đất này vào năm 2009 giữa các thành viên trong gia đình đã có thỏa thuận với nhau về việc phân chia lại tài sản, cụ thể tại Giấy hợp gia đình phân chia lại đất đai đề ngày 22/02/2009, Giấy thỏa thuận đã được chứng thực tại UBND phường T, thành phố C, có đầy đủ anh chị em của ông S, trong giấy phân chia lại đất đai có thể hiện rõ phần đất hiện nay đang tranh chấp được chia làm 3 phần, S1 và Sáng bằng nhau, phần bà D ít hơn. Như vậy, HĐXX xét thấy nội dung giấy phân chia tài sản năm 1993 không được các bên tôn trọng, thực hiện nên các thành viên trong gia đình mới thỏa thuận chia tài sản lại vào năm 2009. Mặt khác, ông S cho rằng được chia tài sản theo biên bản thỏa thuận năm 1993 nhưng thực tế sau này phần đất tranh chấp lại được cấp GCNQSDĐ mang tên hộ ông Khảm Văn T1 – Triệu Thị Sinh ngày 31/12/2006. Do ông T1 bà S2 chết không để lại di chúc nên Tòa án sơ thẩm xác định phần đất tranh chấp là si sản thừa kế của ông T1, bà S2 là đúng quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn Khảm Văn S kháng cáo yêu cầu được chia đất theo nội dung biên bản hợp chia đất 1993 nhưng không có tài liệu bổ sung bảo vệ cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không được chấp nhận, do đó cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của vị đại diện viện kiểm sát về việc giữ nguyên bản án sơ thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận. Ngoài ra Một số kiến nghị đối với thiếu sót của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng và Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng của Viện kiểm sát là có căn cứ, cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[3] Về án phí: Ông Khảm Văn S phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của Ông Khảm Văn S. Giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 77a/2023/DS-ST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Khảm Văn S phải chịu 300.000đ tiền án phí dân

sự phúc thẩm, xác nhận ông S đã nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0002044 ngày 06/10/2023 tại chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- CCTHADS thành phố CB;
- TAND thành phố CB;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Toà DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Văn Sơn